

Bà Huyện Thanh Quan *District Chief's Wife*

Làm "trâu"

Quan Huyện Thanh Quan đi vắng, bà Huyện thay chồng thẳng đường. Có một ông đồ Hương cống tới xin mổ trâu để giỗ bố. Lúc bấy giờ mùa màng thất bát, Triều đình ra lệnh hạn chế mổ trâu trong những dịp tế lễ khao vọng, để phát triển việc canh nông. Bà Huyện ngăn ngừa, nhưng trước sự năn nỉ của ông Cống, và cũng cảm động trước hiếu hạnh của ông. Bà hóm hỉnh cầm bút phê vào đơn:

**Người ta thì chẳng được đâu
"Ừ" thì ông Cống làm trâu thì làm.**

馱些時庄特兜啖時翁貢夕樓時夕

Biết Bà Huyện dùng chữ nghĩa để lỡm mình, nhưng đã được như sở nguyện, ông Cống vui vẻ ra về.

Xuân Bất Tái Lai. *Youth is not coming back*

Nghe nói có bà tên Thị Đào vì chồng đi xa lâu không về phải cảnh cô đơn đến huyện đường kiện cáo. Bà Huyện phê cho rằng:

Phó cho con ả Thị Đào	<i>Entrust to the girl Thị Đào</i>
Lênh đênh mặt nước cắm sào đợi ai	<i>Why floating and planting a pole, to whom waiting for</i>
Chữ rằng Xuân bất tái lai	<i>Knowing that Youth never come back</i>
Cho về kiếm chút kéo mai nhỡ già.	<i>Let go home and find something before getting old</i>

付朱昆姆氏桃
冷丁洒诺襟傘待埃
孛浪春不再來
朱衙劔劔矯埋女糴

NOTE: Vì chuyện này, người chồng trở về kiện tụng, quan Huyện mất chức.

Line 4: Bản Nôm chép sai chữ 衛 (vê 'to protect' → về 'to return') ra chữ 衙 (nha 'office').
Nguyên 'Nôm source': Đại Nam Đối Liên Thi Tập 大南對聯詩輯

Chữ Nôm:

CLASSIFICATION *Phân loại các chữ Nôm* :

- Borrowings by sound and meaning *Chữ mượn âm và nghĩa* :
付姆氏桃春不再來
- Borrowings by sound only *Chữ chỉ mượn âm* :
朱 chu 'red' → cho 'to, preposition'
洒 miện 'flushed with drink, drunk' → mặt 'surface'
[see also *Chữ sáng tạo trùng với chữ Hán*]

渌 *nhược* ‘river’s name’ → *nước* ‘water’
 埃 *ai* ‘dust’ → *ai* ‘who’
 浪 *lãng* ‘wave’ → *rằng* ‘to say that’
 櫛 *cầm* ‘wooden pole, a frame’ → *cắm* ‘to plant’
 朱 *chu* ‘red’ → *cho* ‘to allow, verb’
 衛 *vệ* ‘to guard, protect’ → *về* ‘to return’
 劍 *kiếm* ‘sword’ → *kiếm* ‘to look for’
 矯 *kiêu* ‘unnatural’ → *kéo* ‘or’
 埋 *mai* ‘to bury’ → *mai* ‘tomorrow, soon’

- Borrowing by meaning only *Chữ chỉ mượn nghĩa* :

待 (*đãi* = *đợi* ‘to wait’) → *đợi* ‘to wait’

- Character Marks *Chữ có dấu nháy, biến âm Hán Việt ra âm Nôm*:

Sino-Viet → Nôm

冷 (*lãnh*) → *lênh*

丁 (*đinh*) → *đênh*

女 (*nữ*) → *nhữ*

- Characters newly created *chữ sáng tạo*: SIGNIFIC + PHONETIC 混傘鞞鞞
SIGNIFIC + SIGNIFIC 字

- Characters newly created and polymeric *Chữ sáng tạo trùng hợp với chữ Hán* :

[𠂔 SIGNIFIC + 面 SIGNIFIC] duplicating 漚 (*miện* ‘drunk’)

Comment: This is a short poem of four lines using the meter 6-8. The author displays the power of the Nôm poetry with the perfect choices of her rich vocabulary. The duet sharing the radical *thủy* ‘water’ 漚渌 (*mặt nước*) is beautiful, normally 漚 or 漚 is used with SIGNIFIC 面 (*diện* = *mặt* ‘face, surface’) and the PHONETICS 末 (*mạt*) or 密 (*mật*). Both 8-lines show a perfect balance 4-4, essence of the Nôm poetry:

冷丁漚渌 / 櫛傘待埃
 朱衛劍鞞 / 矯埋女鞞

CẢM TÁC 感作

Tạo hóa gây chi cuộc chiến trường	造化磋之局戰場
Nhằm nay đã trải mấy tinh sương	旺吟匱駛余星霜
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo	塹習車馬魂秋草
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương	埠黠樓臺暎夕陽
Đá vẫn bên gan cùng tuế nguyệt	矜沕紆肝拱歲月
Nước còn cau mặt với tang thương	渌群隤麵余桑滄
Danh là gương để soi kim cổ	名罨鏡底燭今古
Cảnh đây người đây luống đoạn trường	景帝馱低隴斷腸

SOURCE :

國音詩選 (Quốc Âm Thi Tuyển 1914) National Selected Poems (14th poem)

Comment: This poem of eight lines of seven glyphs (thất ngôn bát cú) shows the author's bitter sentiment, while visiting her husband work place, probably the Thanh Quan district. Lines 1-2 form the introduction; lines 3-4, 5-6 are two opposing couplets, stating the main subject; lines 7-8 conclude the poem. This is a monosyllabic poem, using the only rhyme 'ương' at the end of lines 1, 2, 4, 6, 8. There are ways to make a four-line poem (tuyệt cú) from an eight-line: 1-2-3-4, 3-4-5-6, and 5-6-7-8.

The following is a poem by Hồ Xuân Hương with two rhymes: 'ơ' and 'ư'.

SOURCE :

南風解嘲 <吳廷泰> Nam Phong Giải Trào <Ngô Đình Thái>, sheet 68.

升竜依古 <胡春香>	THĂNG LONG HOÀI CỒ <Hồ Xuân Hương>
高岢層雲沒楫旗	Cao ngát tầng mây một cột cờ
京城髡畧省悲除	Kinh thành ngày trước tỉnh bây giờ
像銅鎮武香群藹	Tượng đồng Trấn Võ hương còn ngát
碑矜花文擘渚爍	Bia đá hoa văn chữ chưa mờ
宝塔盧疎笠鞞黠	Bửu tháp lơ thơ chòm cỏ mới
湓蘇涑潮腓腓初	Doanh Tô lai láng bóng trắng xưa
返埃故老黠低晦	Gặp ai cô lão ra đây hỏi
准苜繁花匱沛渌	Chón cũ phồn hoa đã phai chưa